

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD**

**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính 2023 kết thúc ngày 31/12/2023  
**đã được kiểm toán**



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD**

Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

---

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
<i>Bảng cân đối kế toán</i>	06 – 09
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	10
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	11 – 12
<i>Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu</i>	13
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính</i>	14 – 32



## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ HD (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2023 kết thúc ngày 31/12/2023.

#### Khái quát

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ HD (tên cũ là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Liên Minh Việt Nam) là công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 44/UBCK-GP ngày 24 tháng 11 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và các Giấy phép điều chỉnh như sau: Giấy phép điều chỉnh số 81/GPĐC-UBCK ngày 17/11/2010, Giấy phép điều chỉnh số 85/GPĐC-UBCK ngày 27/12/2010, Giấy phép điều chỉnh số 18/GPĐC-UBCK ngày 11/06/2013, Giấy phép điều chỉnh số 17/GPĐC-UBCK ngày 01/12/2014, Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC-UBCK ngày 30/08/2016, Giấy phép điều chỉnh số 60/GPĐC-UBCK ngày 08/08/2018, Giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK ngày 04/04/2022, Giấy phép điều chỉnh số 40/GPĐC-UBCK ngày 25/05/2023, Giấy phép điều chỉnh số 57/GPĐC-UBCK ngày 11/07/2023.

Hoạt động chính của Công ty là: Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

#### Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Bộ phận kiểm soát nội bộ trong năm 2023 và đến ngày lập báo cáo này như sau:**

#### Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Ngọc Quỳnh	Chủ tịch
Ông Dương Công Ái	Thành viên
Ông Dương Thế Quang	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Dương Thế Quang	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Long	Phó Tổng Giám đốc

#### Bộ phận kiểm soát nội bộ

Bà Nguyễn Thị Thùy	Trưởng bộ phận	Từ ngày 03/01/2023
Bà Nguyễn Thị Kỳ Thúy	Thành viên	Từ ngày 01/08/2023
Bà Nguyễn Thị Hoài Nam	Trưởng bộ phận	Đến ngày 03/01/2023
Bà Huỳnh Thị Mai Trinh	Thành viên	Đến ngày 01/08/2023

#### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2023 cho Công ty.

#### Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 06 đến trang 32 và cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2023 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo Thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**



**Dương Thế Quang**  
Tổng Giám đốc

*Tp. HCM, ngày 08 tháng 03 năm 2024*



Số: 84/BCKT/TC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
*Về Báo cáo tài chính năm 2023*  
*của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ HD*

**Kính gửi:** Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ HD

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ HD, được lập ngày 08 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ HD tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)**

**Phó Tổng Giám đốc**



**Cao Thị Hồng Nga**

Số giấy CNĐKHN Kiểm toán: 0613-2023-152-1

*Tp. HCM, ngày 08 tháng 03 năm 2024*

**Kiểm toán viên**

**Nguyễn Chí Thanh**

Số giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2819-2024-152-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	100		<b>5.490.802.384</b>	<b>37.972.870.625</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	110	V.1	<b>1.399.530.062</b>	<b>2.455.799.784</b>
1. Tiền	111		1.399.530.062	255.799.784
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.200.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	120	V.2	<b>3.083.557.400</b>	<b>35.100.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		3.332.441.175	35.100.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(248.883.775)	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	130		<b>905.714.923</b>	<b>20.002.602</b>
1. Phải thu khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán	132		21.129.764	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	V.3	193.676.765	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	690.908.394	20.002.602
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	150		<b>101.999.999</b>	<b>397.068.239</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	101.999.999	303.418.599
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính Phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	-	93.649.640
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	200		<b>22.842.222.718</b>	<b>3.578.896.686</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	220		<b>2.382.799.996</b>	<b>2.978.500.000</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		-	-
- Nguyên giá	222		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-	-

03052  
 CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD  
 TRÁCH NHIỆM  
 DỊCH VỤ  
 TÀI CHÍNH  
 VÀ KH  
 NAM  
 TP.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	2.382.799.996	2.978.500.000
- Nguyên giá	228		2.978.500.000	2.978.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(595.700.004)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	250	V.8	<b>20.000.000.000</b>	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		20.000.000.000	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	260		<b>459.422.722</b>	<b>600.396.686</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	181.529.632	337.603.596
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		277.893.090	262.793.090
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>28.333.025.102</b>	<b>41.551.767.311</b>

1388  
NG TY  
CƠ HỮU  
TƯ V  
H KẾ T  
M TOÁ  
VIỆT  
HỒ C



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	300		<b>1.779.000.940</b>	<b>3.138.731.219</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	310		<b>1.779.000.940</b>	<b>3.138.731.219</b>
1. Vay ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	V.9	1.074.850.000	2.869.250.000
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	247.367.606	268.981.219
5. Phải trả người lao động	315		413.583.334	500.000
6. Chi phí phải trả	316	V.11	43.200.000	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		-	-
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
11. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
12. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
10. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	400	V.12	<b>26.554.024.162</b>	<b>38.413.036.092</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(23.445.975.838)	(11.586.963.908)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>28.333.025.102</b>	<b>41.551.767.311</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		741.442.372	741.442.372
5. Ngoại tệ các loại (USD)	005		-	-
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006	V.13	20.560.000.000	-
Trong đó:				
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		20.560.000.000	-
6.2. Chứng khoán tạm dừng giao dịch	008		-	-
6.3. Chứng khoán cầm cố	009		-	-
6.4. Chứng khoán tạm giữ	010		-	-
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	011		-	-
6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	012		-	-
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	013		-	-
6.8. Chứng khoán quỹ đảm bảo khoản vay	014		-	-
6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	015		-	-
7. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ	020		-	-
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	V.14	409.299.310	9.010.361
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		409.299.310	9.010.361
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032		-	-
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	V.15	1.315.060.357.103	120.666.103.740
9.1 Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		1.315.060.357.103	120.666.103.740
9.1 Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	041		-	-
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050		-	-
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	V.16	207.264.091	5.000.000

Người lập biểu

Dương Thuận Phú

Tp. HCM, ngày 08 tháng 03 năm 2024

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Thanh Trà

Tổng Giám đốc



Dương Thế Quang

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	01	VI.1	1.492.015.176	775.846.968
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		1.492.015.176	775.846.968
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	VI.2	7.918.174.675	6.130.458.916
5. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh	20		(6.426.159.499)	(5.354.611.948)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	918.371.540	338.827.933
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	810.468.433	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	5.270.755.538	2.252.431.610
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(11.589.011.930)	(7.268.215.625)
10. Thu nhập khác	31		-	-
11. Chi phí khác	32	VI.6	270.000.000	-
12. Lợi nhuận khác	40		(270.000.000)	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(11.859.011.930)	(7.268.215.625)
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	-	-
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(11.859.011.930)	(7.268.215.625)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	(2.372)	(1.454)

Người lập biểu

Dương Thuận Phú

Tp. HCM, ngày 08 tháng 03 năm 2024

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Thanh Trà

Tổng Giám đốc



Dương Thế Quang

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp trực tiếp)  
 Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.298.714.759	775.846.968
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(5.912.924.510)	(2.746.870.079)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.509.990.091)	(5.102.937.514)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.112.281.718	147.840.500
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(5.502.281.318)	(1.541.867.059)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(12.514.199.442)</b>	<b>(8.467.987.184)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(71.200.000.000)	(70.200.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		86.300.000.000	75.700.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(6.835.823.378)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.957.155.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		236.598.098	479.104.098
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>11.457.929.720</b>	<b>5.979.104.098</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>-</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>VI. Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50		<b>(1.056.269.722)</b>	<b>(2.488.883.086)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		2.455.799.784	4.944.682.870
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	1.399.530.062	2.455.799.784

Người lập biểu



Dương Thuận Phú

Tp. HCM, ngày 08 tháng 03 năm 2024

Kế toán trưởng



Huỳnh Thị Thanh Trà

Tổng Giám đốc



Dương Thế Quang

05213  
CÔNG  
CH NHIỆ  
CH VỤ  
CHÍNH  
Ả KIỂM  
NAM V  
TP. H

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD**

Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
	Năm nay 01/01/2023	Năm trước 01/01/2021	Năm nay		Năm trước		Năm nay 31/12/2023	Năm trước 31/12/2021
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-	-	-	50.000.000.000	
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	(11.586.963.908)	(4.318.748.283)	-	11.859.011.930	-	7.268.215.625	(11.586.963.908)	
<b>Cộng</b>	<b>38.413.036.092</b>	<b>45.681.251.717</b>	<b>-</b>	<b>11.859.011.930</b>	<b>-</b>	<b>26.554.024.162</b>	<b>38.413.036.092</b>	

(\*) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:

- Giám trong năm trước là do kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trước lỗ.
- Giám trong năm nay là do kết quả hoạt động kinh doanh trong năm nay lỗ.

Người lập biểu

Dương Thuận Phú

Tp. HCM, ngày 08 tháng 03 năm 2024

Kế toán trưởng



Huỳnh Thị Thanh Trà

Tổng Giám đốc



Dương Thế Quang

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Năm 2023

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ HD (tên cũ là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Liên Minh Việt Nam) là công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 44/UBCK-GP ngày 24 tháng 11 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và các Giấy phép điều chỉnh như sau: Giấy phép điều chỉnh số 81/GPĐC-UBCK ngày 17/11/2010, Giấy phép điều chỉnh số 85/GPĐC-UBCK ngày 27/12/2010, Giấy phép điều chỉnh số 18/GPĐC-UBCK ngày 11/06/2013, Giấy phép điều chỉnh số 17/GPĐC-UBCK ngày 01/12/2014, Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC-UBCK ngày 30/08/2016, Giấy phép điều chỉnh số 60/GPĐC-UBCK ngày 08/08/2018, Giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK ngày 04/04/2022, Giấy phép điều chỉnh số 40/GPĐC-UBCK ngày 25/05/2023, Giấy phép điều chỉnh số 57/GPĐC-UBCK ngày 11/07/2023.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 16 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 14 người).

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ Quản lý quỹ.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là: Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính, Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 về việc hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty quản lý Quỹ. Thông tư 125/2011/TT-BTC có quy định những nội dung kế toán không hướng dẫn trong Thông tư này, Công ty quản lý Quỹ thực hiện theo quy định tại Luật Kế toán, các văn bản hướng dẫn Luật Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán, Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009. Thông tư số 200/2014/TT-BTC được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày các báo cáo tài chính từ năm 2015. Tuy nhiên, Bộ Tài chính chưa ban hành các hướng dẫn thay thế cho Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011. Do vậy nên Công ty vẫn áp dụng các quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC cho năm tài chính 2023.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Kế toán trên máy tính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng Công ty có tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn

**3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Năm nay	Năm trước
- Phần mềm máy tính	05	05

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính và các quy định khác.

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch trên thị trường chứng khoán. Đối với các chứng khoán chưa niêm yết thì giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCoM) đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 31/12/2023 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn được đánh giá giá trị hợp lý theo giá trị ghi sổ.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

*Doanh thu hoạt động nghiệp vụ:* Được xác định theo các loại sau:

- Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Tư vấn đầu tư chứng khoán: là khoản thu về phí Công ty quản lý quỹ được hưởng từ hoạt động quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán: Là khoản phí Công ty quản lý Quỹ được hưởng từ việc quản lý danh mục đầu tư chứng khoán cho nhà đầu tư ủy thác;
- Doanh thu từ phí thưởng hoạt động: Là khoản tiền thưởng Công ty quản lý quỹ được hưởng khi tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của quỹ đầu tư chứng khoán, giá trị danh mục ủy thác đầu tư cho Công ty quản lý tăng cao hơn so với một tỷ lệ tham chiếu được nhà đầu tư chấp thuận;
- Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán: Là khoản phí công ty quản lý quỹ được hưởng từ việc tư vấn đầu tư chứng khoán cho khách hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí hoạt động kinh doanh**

Chi phí hoạt động kinh doanh phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; tiền thuê nhà, thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; Chi phí vay vốn; Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ; Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động bao gồm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm..

**14. Báo cáo bộ phận**

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**15. Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản trong đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

*Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả trước, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

34-  
FY  
TU HA  
VÁN  
TOÁN  
ĐÁN  
T  
CHÍ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**16. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	1.399.530.062	255.799.784
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 3 tháng trở xuống)	-	2.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.399.530.062</b>	<b>2.455.799.784</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Tiền gửi</b>	-	<b>35.100.000.000</b>
- Ngân hàng TMCP Phát Triển TP HCM (tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng)	-	35.100.000.000
<b>b) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>3.332.441.175</b>	-
- Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (22.000 cổ phiếu)	490.735.000	-
- Cổ phiếu Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (12.000 cổ phiếu)	1.018.174.975	-
- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (15.000 cổ phiếu)	1.341.208.800	-
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn (7.000 cổ phiếu)	482.322.400	-
<b>Cộng</b>	<b>3.332.441.175</b>	<b>35.100.000.000</b>
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư	248.883.775	-
<b>Giá trị thuần</b>	<b>3.083.557.400</b>	<b>35.100.000.000</b>

**3. Các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	170.119.565	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Thế Hệ Mới	45.208.333	-
- Ngân hàng TMCP Phát Triển TP HCM	20.000.000	-
- Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đô thị mới An Khánh	77.260.274	-
- Các đối tượng khác	27.650.958	-
Phải thu hoạt động quản lý quỹ	23.557.200	-
- Quỹ đầu tư trái phiếu lợi tức cao HD	23.557.200	-
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>193.676.765</b>	<b>-</b>

**4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải thu lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn, lãi trái phiếu	690.908.394	20.002.602
<b>Cộng</b>	<b>690.908.394</b>	<b>20.002.602</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**5. Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tạm ứng	-	93.649.640
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>93.649.640</b>

**6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính
<i>Nguyên giá tài sản cố định vô hình</i>	
Số dư đầu năm	2.978.500.000
Số tăng trong năm	-
Số giảm trong năm	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.978.500.000</b>
<i>Giá trị đã hao mòn</i>	
Số dư đầu năm	-
Khấu hao trong năm	595.700.004
Giảm trong năm	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>595.700.004</b>
<i>Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình</i>	
Tại ngày đầu năm	2.978.500.000
Tại ngày cuối năm	<b>2.382.799.996</b>

**(\*) Ghi chú:**

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng: 0 đồng.
- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 đồng.

**7. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>101.999.999</b>	<b>303.418.599</b>
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ	8.159.999	36.856.335
Chi phí khác chờ phân bổ	93.840.000	266.562.264
<b>b) Dài hạn</b>	<b>181.529.632</b>	<b>337.603.596</b>
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ	172.154.632	305.728.596
Chi phí khác chờ phân bổ	9.375.000	31.875.000
<b>Cộng</b>	<b>283.529.631</b>	<b>641.022.195</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	20.000.000.000	-
- Trái phiếu VIC123028 (200.000 trái phiếu)	20.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>-</b>
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư	-	-
<b>Giá trị thuần</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>-</b>

**9. Phải trả người bán**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty Cổ phần Phần mềm Bravo	-	109.250.000
Công ty Cổ phần Fincorp	1.060.000.000	2.760.000.000
Các đối tượng khác	14.850.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.074.850.000</b>	<b>2.869.250.000</b>

**10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Thuế thu nhập cá nhân	247.367.606	268.981.219
<b>Cộng</b>	<b>247.367.606</b>	<b>268.981.219</b>

**11. Chi phí phải trả**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí phải trả khác	43.200.000	-
<b>Cộng</b>	<b>43.200.000</b>	<b>-</b>

3884  
 G TY  
 M HỮU  
 T U V  
 I KẾ T  
 M TOÁN  
 VIỆT  
 HỒ C

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**12. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50.000.000.000	-	-	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-
3. Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-
5. Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-
6. LN sau thuế chưa phân phối	(11.586.963.908)	-	11.859.011.930	(23.445.975.838)
<b>Cộng</b>	<b>38.413.036.092</b>	<b>-</b>	<b>11.859.011.930</b>	<b>26.554.024.162</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2023		01/01/2023	
	VND	%	VND	%
Ông Phạm Văn Đầu	26.000.000.000	52,00%	26.000.000.000	52,00%
Các cổ đông khác	24.000.000.000	48,00%	24.000.000.000	48,00%
<b>Cộng</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	50.000.000.000	50.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	50.000.000.000	50.000.000.000





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

**13. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Số lượng	Mệnh giá	Số lượng	Mệnh giá
<b>Mã cổ phiếu</b>				
- ACB	22.000	220.000.000	-	-
- GAS	12.000	120.000.000	-	-
- VCB	15.000	150.000.000	-	-
- VHC	7.000	70.000.000	-	-
- VIC123028	200.000	20.000.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>256.000</b>	<b>20.560.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**14. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	9.010.361	4.777.502
Số tăng trong năm	2.258.257.625.702	61.632.313
- Lãi từ tiền gửi của NĐT	10.629.062	119.905
- Nhận tiền ủy thác	1.403.920.000.000	-
- Nộp tiền thanh toán phí	248.150.070	-
- Chuyển nhượng chứng khoán	846.287.528.440	-
- Cổ tức được nhận	7.791.318.130	-
Số giảm trong năm	2.257.857.336.753	57.399.454
- Phí quản lý tài khoản, phí khác	1.209.714.409	57.399.454
- Rút vốn ủy thác, lãi	275.833.616.481	-
- Mua chứng khoán	1.980.814.005.863	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>409.299.310</b>	<b>9.010.361</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD**

Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****15. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác**

	31/12/2023			01/01/2023			Đơn vị tính: VND
	Giá trị đầu tư (VND)	Giá trị thị trường (VND)	Tăng/(giảm) so với giá trị đầu tư (VND)	Giá trị đầu tư (VND)	Giá trị thị trường (VND)	Tăng/(giảm) so với giá trị đầu tư (VND)	
a) Nhà đầu tư ủy thác trong nước	1.315.060.357.103	1.408.878.823.740	93.818.466.637	120.666.103.740	120.666.103.740	-	
Cổ phiếu niêm yết	307.332.732.691	406.932.720.000	99.599.987.309	-	-	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG - SIP	145.632.732.691	171.732.720.000	26.099.987.309	-	-	-	
Công ty Tài chính CP Điện lực - EVF	161.700.000.000	235.200.000.000	73.500.000.000	-	-	-	
Cổ phiếu không niêm yết	1.007.727.624.412	1.001.946.103.740	(5.781.520.672)	120.666.103.740	120.666.103.740	-	
CTCP Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam - VRG	27.620.700.000	22.800.000.000	(4.820.700.000)	-	-	-	
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh - QTP	1.455.320.672	1.480.000.000	24.679.328	-	-	-	
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam CTCP - SEA	657.985.500.000	657.000.000.000	(985.500.000)	-	-	-	
- Công ty CP Chứng khoán Đại Việt (*)	45.000.000.000	45.000.000.000	-	45.000.000.000	45.000.000.000	-	
- Công ty CP Kinh doanh BĐS Phát triển Nhà TP (HDBReal) (*)	72.666.223.740	72.666.223.740	-	72.666.223.740	72.666.223.740	-	
- Công ty CP Khách sạn và Du lịch Thiên Thai (*)	200.000.000.000	200.000.000.000	-	-	-	-	
- Công ty CP Chế biến Thủy sản Ut Xi (*)	2.999.880.000	2.999.880.000	-	2.999.880.000	2.999.880.000	-	

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD**  
Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

	31/12/2023		01/01/2023			
	Giá trị đầu tư (VND)	Giá trị thị trường (VND)	Tăng/(giảm) so với giá trị đầu tư (VND)	Giá trị đầu tư (VND)	Giá trị thị trường (VND)	Tăng/(giảm) so với giá trị đầu tư (VND)
b) Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	-	-	-	-	-	-
Cộng	1.315.060.357.103	1.408.878.823.740	93.818.466.637	120.666.103.740	120.666.103.740	-

(\*) **Ghi chú:** Giá trị trường của chứng khoán chưa niêm yết là không xác định được, giá trị thị trường được trình bày theo giá trị đầu tư do không có đủ cơ sở đáng tin cậy để xác định giá trị thị trường.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**16. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phí quản lý danh mục, lưu ký chứng khoán ủy thác và phí khác	202.267.331	-
Phải trả tiền duy trì tài khoản	4.996.760	5.000.000
<b>Cộng</b>	<b>207.264.091</b>	<b>5.000.000</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Tổng doanh thu hoạt động nghiệp vụ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	790.575.734	579.756.645
Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	436.800.000	196.090.323
Doanh thu dịch vụ quản lý quỹ	264.639.442	-
<b>Cộng</b>	<b>1.492.015.176</b>	<b>775.846.968</b>

**2. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư và tư vấn đầu tư chứng khoán	7.918.174.675	6.130.458.916
<b>Cộng</b>	<b>7.918.174.675</b>	<b>6.130.458.916</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, lãi trái phiếu	907.503.890	338.827.933
Doanh thu hoạt động tài chính khác	10.867.650	-
<b>Cộng</b>	<b>918.371.540</b>	<b>338.827.933</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**4. Chi phí tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Dự phòng/ Hoàn nhập giảm giá đầu tư tài chính	248.883.775	-
Lỗ từ chuyển nhượng cổ phiếu	561.530.596	-
Chi phí tài chính khác	54.062	-
<b>Cộng</b>	<b>810.468.433</b>	<b>-</b>

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí công cụ dụng cụ, văn phòng phẩm	351.216.964	573.550.021
Chi phí khấu hao	595.700.004	-
Chi phí khác	4.323.838.570	1.678.881.589
<b>Cộng</b>	<b>5.270.755.538</b>	<b>2.252.431.610</b>

**6. Chi phí khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí phạt vi phạm hành chính	270.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>270.000.000</b>	<b>-</b>

**7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(11.859.011.930)</b>	<b>(7.268.215.625)</b>
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	940.503.622	372.327.834
- Các khoản điều chỉnh tăng	940.503.622	372.327.834
+ <i>Chi phí không hợp lệ</i>	940.503.622	372.327.834
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>(10.918.508.308)</b>	<b>(6.895.887.791)</b>
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(11.859.011.930)	(7.268.215.625)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- <i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
- <i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(11.859.011.930)	(7.268.215.625)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.000.000	5.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(2.372)</b>	<b>(1.454)</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin về các bên liên quan**

Trong năm 2023, thu nhập của Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng như sau:

		Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị</b>			
Ông Đỗ Ngọc Quỳnh	Chủ tịch HĐQT - Từ ngày 16/12/2022	180.000.000	-
Ông Dương Thế Quang	Chủ tịch HĐQT - Từ ngày 24/01/2022 đến ngày 16/12/2022	-	93.333.332
Ông Tôn Thất Hào	Thành viên - Đến ngày 09/12/2022	-	33.333.334
Ông Dương Công Ái	Thành viên	120.000.000	66.666.668
<b>Thu nhập của thành viên Ban Kiểm soát</b>			
Bà Hồ Thị Kim Ánh	Trưởng Ban Kiểm soát - Đến ngày 25/04/2022	-	86.666.667
Bà Trương Thị Tuyết Loan	Thành viên - Đến ngày 25/04/2022	-	10.000.000
<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng</b>			
Ông Nguyễn Trường Thành	Tổng Giám đốc - Đến ngày 07/10/2022	-	278.666.667
Ông Dương Thế Quang	Tổng Giám đốc - Từ ngày 16/12/2022	1.712.950.000	195.990.000
Ông Nguyễn Thành Long	Phó Tổng Giám đốc - Từ ngày 05/04/2022	1.416.000.000	1.080.820.000
Bà Võ Thị Huỳnh Nhi	Kế toán trưởng - Đến ngày 18/10/2022	-	483.963.333
Bà Huỳnh Thị Thanh Trà	Kế toán trưởng - Từ ngày 18/10/2022	619.050.000	165.325.000
<b>Cộng</b>		<b>4.048.000.000</b>	<b>2.494.765.001</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Trong năm tài chính và cuối năm công ty không còn phát sinh giao dịch và số dư công nợ khác với bên liên quan.

**2. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

**2.1 Khu vực địa lý**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**2.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán nên không trình bày báo cáo bộ phận.

**3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị sổ sách	Dự phòng	Giá trị sổ sách	Dự phòng
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.399.530.062	-	2.455.799.784	-
Đầu tư ngắn hạn	3.332.441.175	248.883.775	35.100.000.000	-
Phải thu hoạt động dịch vụ	193.676.765	-	-	-
Đầu tư dài hạn	20.000.000.000	-	-	-
Phải thu khác	712.038.158	-	20.002.602	-
<b>Cộng</b>	<b>25.637.686.160</b>	<b>248.883.775</b>	<b>37.575.802.386</b>	<b>-</b>

Đơn vị tính: VND

	Giá trị sổ sách	
	31/12/2023	01/01/2023
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả người bán	1.074.850.000	2.869.250.000
Chi phí phải trả	43.200.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	660.950.940	269.481.219
<b>Cộng</b>	<b>1.779.000.940</b>	<b>3.138.731.219</b>

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**4. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN).





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**5. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm 2023 không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục

**Người lập biểu**



**Dương Thuận Phú**

*Tp. HCM, ngày 08 tháng 03 năm 2024*

**Kế toán trưởng**



**Huỳnh Thị Thanh Trà**

**Tổng Giám đốc**



**Dương Thế Quang**

